TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: 67/2025/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 469/2025/TLST-HNGĐ ngày 6 tháng 6 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự:

- Bà Phan Thị Mỷ T, sinh năm 1995; Căn cước công dân số: 084195010223 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021; Thường trú: Ấp Vĩnh Bường, Vĩnh H, Thị xã Tân C, An G; Địa chỉ: 300A Phan A, phường Hiệp T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M nay là phường Phú Th, Thành phố Hồ Chí M.

- Ông Phan Văn T2, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 089089000545 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/04/2021; Thường trú: Ấp Vĩnh Bường, Vĩnh Hoà, Thị xã Tân C, An G; Địa chỉ: 300A Phan A, Phường Hiệp T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí M nay là phường Phú T, Thành phố Hồ Chí M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Mỷ T và ông Phan Văn T2 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/HT, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, Thị xã Tân C, An G cấp ngày 20/12/2013.

[2] Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Nay ông bà xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[3] *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Phan Trung K, sinh ngày 05/8/2015 và Phan Đăng Q, sinh ngày 18/9/2021. Khi ly hôn, ông T2 trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng/ tháng). Nghĩa vụ cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2025 và chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn và gia đình năm 2014.

[5] *Về quan hệ tài sản chung*: Các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] *Về các vấn đề khác:* Hai bên xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị Mỷ T và ông Phan Văn T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140/HT, Quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, Thị xã Tân C, tỉnh An G cấp ngày 20/12/2013 cho bà T và ông T chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Phan Văn T2 trực tiếp nuôi 2 con chung tên Phan Trung K, sinh ngày 05/8/2015 và Phan Đăng Q, sinh ngày 18/9/2021.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng/tháng/con). Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2025 và chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Địa điểm thi hành: Tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thi hành án thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phuông thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích chính đáng của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà

nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về các vấn đề khác:* Hai bên không có nợ chung.

2. *Về lệ phí giải quyết việc dân sự:* Là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) do bà T và ông T2 chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà T và ông T2 đã nộp theo biên lai số 0078675 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T và ông T2 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9 – TP. Hồ Chí Minh.
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (Vinh).

THẨM PHÁN

Trần Hoàng Thị Thanh Mai